

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 01 năm 2026
“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Chiến

Ông Vũ Đức Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Khôi – Thư ký TAND khu vực 1 – Hưng
Yên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Yên - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng
Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 260/2025/TLST – HNGĐ
ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số
48/2025/QĐST-DS ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Chu Văn Ph, sinh năm 1979

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1983

Đều trú tại : thôn PD, xã PNL, tỉnh Hưng Yên

Anh Ph có đơn xét xử vắng mặt, chị X vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của anh Ph và các lời khai của anh Ph, chị X trong quá
trình tố tụng thể hiện:*

Anh Ph và chị X có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại
UBND xã Đào Dương (nay là xã Phạm Ngũ Lão) vào ngày 23/8/2001. Sau khi kết
hôn thì vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Ph. Vợ chồng chung sống hạnh
phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng
bất đồng quan điểm sống, không tập chung kinh tế, ngoài ra anh Ph còn trình bày
chị X chơi bời nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Ph đã tham gia góp ý để
chị X thay đổi nhưng chị X không nghe. Từ đầu năm 2024 cuộc sống vợ chồng

ngày càng ngọt ngào nên vợ chồng anh Ph đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng anh Ph đã được hai bên gia đình biết và hoà giải nhưng không thành. Nay anh Ph nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị X nên anh Ph đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị X. Còn theo chị X thì vợ chồng chị X tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên trong cuộc sống cũng có những va chạm nhưng vì 02 con nên vợ chồng lại tìm được tiếng nói chung. Khoảng 01 năm gần đây vợ chồng tiếp tục xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình nên anh Ph chuyển đi nơi khác sinh sống, anh Ph không sống cùng với mẹ con chị X. Chị X đã tìm anh Ph để nói chuyện nhưng anh từ chối. Hai bên gia đình đã động viên, hoà giải nhưng anh Ph không nghe. Năm 2024 chị X có làm đơn xin ly hôn với anh Ph và đã nộp đơn ra Toà án nhưng lại rút lại. Nay anh Ph xin ly hôn với chị X nhưng chị X không đồng ý vì chị X vẫn còn tình cảm với anh Ph nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh Ph, chị X có 02 con chung là cháu Chu Thị Thanh Tâm, sinh năm 2003 và cháu Chu Văn Hoà, sinh ngày 15/8/2006. Hiện nay 02 cháu đã trên 18 tuổi nên anh Ph, chị X không đề nghị Toà án giải quyết.

Về vấn đề tài sản chung, công nợ: Anh Ph, chị X không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

Ông Nguyễn Công Sứ – bố đẻ của chị X: Anh Ph, chị X tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn, được gia đình tổ chức cưới theo Ph tục địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng của chị X là các mâu thuẫn vặt vặt phát sinh trong cuộc sống hàng ngày, do anh Ph có tính hay ghen nên chị X đi đâu anh Ph cũng gắn định vị vào xe. Đầu năm 2025 chị X đi thuê nhà ra ở riêng đến gần đây chị X lại về nhà của vợ chồng ở thì anh Ph lại về nhà bố mẹ đẻ của anh Ph để ở. Ông Sứ mong muốn vợ chồng anh Ph đoàn tụ với nhau, còn quyết định như nào là tùy anh chị. Vợ chồng anh Ph, chị X có 02 con chung là cháu Chu Thị Thanh Tâm, sinh năm 2003 và cháu Chu Văn Hoà, sinh ngày 15/8/2006. Các cháu đều đã lớn và trưởng thành, tự lo được cuộc sống.

Việc xác minh tại địa phương:

Ông Nguyễn Văn Long - Trưởng thôn PD, xã PNL: Vợ chồng anh Ph có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương và có 02 con chung. Thời gian gần đây vợ chồng anh Ph sống ly thân, anh Ph về đất của bố mẹ đẻ để ở còn chị X ở trên đất của vợ chồng mua. Địa phương không biết được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng anh Ph.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên đã tiến hành các hoạt động tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử về đã đảm bảo theo quy định của BLTTDS năm 2015 để mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Ph, đề nghị HĐXX tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho anh Ph được ly hôn với chị X
- Về con chung: Do cháu Chu Thị Thanh Tâm và cháu Chu Văn Hoà đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Anh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là anh Chu Văn Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Nguyễn Thị X. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có Hộ khẩu thường trú tại xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng anh Ph có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, còn chị X Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Anh Ph, chị X xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương (nay là xã Phạm Ngũ Lão) vào

ngày 23/8/2001 đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, không tập chung kinh tế, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì vậy năm 2024 chị X đã làm đơn xin ly hôn với anh Ph và nộp ra Tòa án, sau đó lại rút về nhưng vợ chồng vẫn mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, không ai có trách nhiệm với ai. Bản thân chị X đã nhiều lần muốn gặp anh Ph để nói chuyện và gia đình cũng hòa giải nhưng vợ chồng không về ở với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị X mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng chị X không đến Tòa án để tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của anh Ph đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ph về việc xin ly hôn là phù hợp với pháp luật và thực tế cuộc sống vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Ph, chị X có 02 con chung là cháu Chu Thị Thanh, Tâm sinh năm 2003 và cháu Chu Văn Hoạ, sinh ngày 15/8/2006. Hiện nay 02 cháu đã trên 18 tuổi, đã đi làm, tự lo được cuộc sống và anh Ph, chị X không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Anh Ph, chị X không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 228 của BLTTDS; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho anh Chu Văn Ph được ly hôn với chị Nguyễn Thị X

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002931 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh Ph đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Anh Ph, chị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực I – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái